TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2025/HNGĐ -ST
Ngày: 30-12-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thuý An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Trần Văn Thơi**.

2/ Ông **Trần Văn Bé Hai**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hồng Nguyên** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lý Thị Kim H**, sinh ngày 30/9/2001. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: khóm X, phường L, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh **Đỗ Hoàng T**, sinh ngày 28/7/1996. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/9/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lý Thị Kim H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Hoàng T thành hôn do quen biết, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Mỹ, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (Nay là xã Bình Phước, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 04/5/2022. Thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đỗ Hoàng T.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, bị đơn anh Đỗ Hoàng T trình bày: Giữa anh và chị Lý Thị Kim H thành hôn do quen biết, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Mỹ, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (Nay là xã Bình Phước, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 04/5/2022. Thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc, đến tháng 6/2025 phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung và ly thân từ đó đến nay không hàn gắn lại được. Nay chị H Cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý theo yêu cầu của chị H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Lý Thị Kim H yêu cầu Tòa án nhân khu vực 2 – Vĩnh Long giải quyết ly hôn với anh Đỗ Hoàng T cư trú ấp L, xã B, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn chị Lý Thị Kim H có đơn xin vắng mặt ngày 09/12/2025. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Lý Thị Kim H và anh Đỗ Hoàng T thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long Mỹ, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (Nay là xã Bình Phước, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 vào ngày 04/5/2022 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị H và anh T thời gian đầu sống hạnh phúc, đến tháng 6/2025 phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và vợ chồng ly thân từ tháng 6/2025 đến nay không hàn gắn được. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ để Toà án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh T vắng mặt lần thứ nhất không lý do. Chị H có đơn yêu cầu không tiến hành hoà giải do chị và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hoà giải được và tại phiên toà anh T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị H và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Lý Thị Kim H và anh Đỗ Hoàng T xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lý Thị Kim H và anh Đỗ Hoàng T xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý Thị Kim H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lý Thị Kim H. Xử cho chị H ly hôn với Đỗ Hoàng T.

2. Về con chung: Chị Lý Thị Kim H và anh Đỗ Hoàng T xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lý Thị Kim H và anh Đỗ Hoàng T xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lý Thị Kim H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị H đã nộp theo biên lai thu số 0005146 ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 2 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 2 – Vĩnh Long;
- UBND xã Bình Phước, tỉnh Vĩnh Long)
(Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 04/5/2022);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thuý An